

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Phương án Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và biên soạn hệ số chi phí trung gian năm 2026

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê; Quyết định số 2288/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 384/QĐ-BTC

ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê; Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2026 của Bộ Tài chính do Cục Thống kê chủ trì thực hiện;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Điều tra thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và biên soạn hệ số chi phí trung gian năm 2026.

Điều 2. Giao Ban Điều tra thống kê chủ trì, phối hợp với Ban Hệ thống Tài khoản quốc gia và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết; thiết kế mẫu và phiếu điều tra; chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn thực hiện cuộc điều tra theo đúng quy định của Phương án điều tra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng ban Ban Điều tra thống kê, Trưởng ban Ban Hệ thống Tài khoản quốc gia, Trưởng ban Ban Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Cục và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HƯ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Bích Ngọc (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục Thống kê;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp);
- Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, ĐTTK.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

**Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành
và biên soạn hệ số chi phí trung gian năm 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 124/QĐ-CTK ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Cục trưởng Cục Thống kê) 11/9/25

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian năm 2026 (viết gọn là Điều tra IO năm 2026) là cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia được ban hành theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm mục đích:

Một là, lập Bảng cân đối liên ngành (viết gọn là Bảng IO) năm 2025 của Việt Nam theo 181 ngành sản phẩm IO;

Hai là, biên soạn hệ số chi phí trung gian và các hệ số tài khoản quốc gia năm 2025 theo ngành kinh tế cấp 1, cấp 2 cho cả nước và 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Ba là, phân tích, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và đánh giá sự thay đổi cấu trúc kinh tế, cơ cấu chi phí sản xuất, tích lũy, tiêu dùng, xuất khẩu, nhập khẩu và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác;

Bốn là, tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu thống kê ASEAN, chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam (V-SDG); xây dựng các mô hình phục vụ cho công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô.

2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra đúng các nội dung quy định trong Phương án.
- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.
- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước; bảo đảm tính so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

- a) Điều tra chọn mẫu trên phạm vi 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- b) Điều tra thu thập thông tin 181 ngành sản phẩm của Bảng IO năm 2025.

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là các tổ chức, cá nhân chứa đựng thông tin cần thu thập bao gồm các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, hợp tác xã; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tổ chức vô vị lợi phục vụ hộ gia đình; hộ dân cư tiêu dùng cuối cùng.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là:

- Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (viết gọn là cơ quan hành chính) và đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị dự toán cấp II, cấp III hoặc cấp IV); đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hiệp hội.
- Doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, hợp tác xã hạch toán kinh tế độc lập (viết gọn là doanh nghiệp) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2025, Luật Hợp tác xã năm 2023 và các Luật chuyên ngành.
- Cơ sở SXKD cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là cơ sở SXKD cá thể).
- Hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.
- Tổ chức vô vị lợi phục vụ hộ gia đình.
- Hộ dân cư tiêu dùng cuối cùng (viết gọn là Hộ dân cư).

III. LOẠI ĐIỀU TRA

Điều tra IO năm 2026 là điều tra chọn mẫu. Phương pháp chọn mẫu được quy định tại Phụ lục I.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm điều tra là ngày 01/7/2026.

2. Thời gian điều tra

Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn: từ ngày 01/7/2026 và kết thúc vào ngày 10/8/2026.

3. Thời kỳ thu thập thông tin

Thời kỳ thu thập thông tin cụ thể như sau:

a) Số liệu thu thập tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 đối với các chỉ tiêu: Lao động, giá trị tài sản cố định, sản phẩm dở dang, thành phẩm tồn kho.

b) Số liệu thu thập theo thời kỳ:

- Số liệu thu thập theo thời kỳ là số liệu năm 2025 đối với các chỉ tiêu: Kết quả sản xuất kinh doanh; doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị; hao mòn/khấu hao tài sản cố định; thuế; lợi nhuận thuần hoạt động sản xuất kinh doanh; chi trả lãi tiền vay; giá trị xuất khẩu, nhập khẩu; thuế sản xuất, trợ cấp sản xuất và các chỉ tiêu khác.

4. Phương pháp điều tra

Điều tra IO năm 2026 áp dụng kết hợp phương pháp thu thập thông tin gián tiếp và trực tiếp như sau:

- Thu thập thông tin gián tiếp: Áp dụng đối với các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm Phiếu số 01/IO-DN, Phiếu số 02/IO-DN và Phiếu số 03/IO-HCSN, Phiếu số 08/IO-BTC; Phiếu số 09/IO-BTC, Phiếu số 10/IO-NHNN, Phiếu số 11/IO-NHNN, Phiếu số 12/IO-NHNN. Đơn vị điều tra tự kê khai thông tin trên Trang thông tin điện tử cùng với sự hỗ trợ trực tiếp của điều tra viên thống kê (viết gọn là ĐTV). Đơn vị được cấp tài khoản, mật khẩu đăng nhập và điền thông tin vào phiếu trực tuyến.

- Thu thập thông tin trực tiếp: Áp dụng đối với 04 loại phiếu điều tra, bao gồm Phiếu số 04/IO-CT; Phiếu số 05/IO-NLTS; Phiếu số 06/IO-TDCC; Phiếu số 07/IO-VVL. ĐTV đến từng hộ gặp người cung cấp thông tin (chủ hộ, chủ trang trại) để phỏng vấn, kết hợp quan sát đối tượng điều tra để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử được thiết kế trên thiết bị điện tử di động (phiếu CAPI).

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Điều tra IO năm 2026 thu thập thông tin sau: thông tin định danh, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh (viết gọn là SXKD) và doanh thu, chi phí SXKD, lợi nhuận của các tổ chức; vốn đầu tư thực hiện; thông tin tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư; thông tin về giá trị thuế xuất khẩu, nhập khẩu; giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ; giá trị thu thuế, phí và lệ phí và chi ngân sách nhà nước; dư nợ tín dụng; giá trị sản xuất theo 181 ngành sản phẩm IO được chọn. Cụ thể:

- Bộ Tài chính: Thông tin chi tiết về thu, chi ngân sách nhà nước; thuế sản xuất; trợ cấp sản xuất; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ trong năm 2025;

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Thông tin về dư nợ tín dụng phục vụ cho sản xuất kinh doanh phân theo ngành kinh tế; phục vụ nhu cầu đời sống và tín dụng qua thẻ tín dụng trong năm 2025;

- Doanh nghiệp: Thông tin về loại hình doanh nghiệp, ngành hoạt động SXKD, ngành sản phẩm chính, doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi trả lãi tiền vay, thu nhập của người lao động, lợi nhuận, các khoản nộp ngân sách nhà nước, giá trị thành phẩm tồn kho, chi phí sản xuất dở dang, hàng gửi bán và các thông tin khác của doanh nghiệp trong năm 2025;

- Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội: Thông tin về loại hình đơn vị, ngành sản phẩm chính; thu hoạt động của đơn vị, chi hoạt động thường xuyên, chi phí cho người lao động, tổng giá trị khấu hao/hao mòn tài sản cố định, chi trả lãi tiền vay ngân hàng (nếu có), các khoản nộp ngân sách nhà nước, tổng chi phúc lợi xã hội, và các thông tin khác của đơn vị trong năm 2025;

- Cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng và cơ sở không vì lợi: Thông tin về loại hình hoạt động của đơn vị, ngành sản phẩm chính của cơ sở; lao động, thu hoạt động, chi hoạt động, khấu hao tài sản cố định, chi phúc lợi xã hội và các thông tin khác của đơn vị trong năm 2025;

- Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Thông tin về loại hình, ngành nghề hoạt động; lao động, doanh thu từ sản phẩm, chi phí cho sản xuất sản phẩm, khấu hao tài sản cố định, giá trị thặng dư, thu nhập của người lao động, các khoản nộp ngân sách nhà nước, và các thông tin khác của cơ sở trong năm 2025 ;

- Hộ tiêu dùng sản phẩm vật chất và dịch vụ: Thông tin về chi tiêu dùng cuối cùng về sản phẩm vật chất và dịch vụ của Hộ dân cư trong năm 2025.

2. Phiếu điều tra

Điều tra IO năm 2026 sử dụng các loại phiếu điều tra sau:

1. Phiếu số 01/IO-DN: Phiếu thu thập thông tin về doanh nghiệp không thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.
2. Phiếu số 02/IO-DN: Phiếu thu thập thông tin đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm.
3. Phiếu số 03/IO-HCSN: Phiếu thu thập thông tin về đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội.
4. Phiếu số 04/IO-CT: Phiếu thu thập thông tin về cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản.
5. Phiếu số 05/IO-NLTS: Phiếu thu thập thông tin về hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.
6. Phiếu số 06/IO-TDCC: Phiếu thu thập thông tin về tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư.
7. Phiếu số 07/IO-VVL: Phiếu thu thập thông tin về đơn vị vô vị lợi.
8. Phiếu số 08/IO-BTC: Phiếu thu thập thông tin về giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa; thuế xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (áp dụng cho Cục Hải quan, Bộ Tài chính)
9. Phiếu số 09/IO-BTC: Phiếu thu thập thông tin về thu, chi ngân sách nhà nước (Áp dụng cho Bộ Tài chính).
10. Phiếu số 10/IO-NHNN: Dư nợ tín dụng phân theo ngành kinh tế (không bao gồm mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) (áp dụng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);
11. Phiếu số 11/IO-NHNN: Dư nợ tín dụng qua mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế (áp dụng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);
12. Phiếu số 12/IO-NHNN: Dư nợ cho vay phục vụ nhu cầu đời sống và dư nợ tín dụng qua thẻ tín dụng (áp dụng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Điều tra IO năm 2026 sử dụng các danh mục và bảng phân loại thống kê như sau:

1. Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ, cập nhật đến thời điểm điều tra.

2. Danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ, cập nhật khi có quyết định mới.

3. Danh mục Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ, cập nhật khi có quyết định mới.

4. Danh mục phân loại thống kê theo loại hình kinh tế ban hành theo Thông tư số 07/2025/TT-BKHĐT ngày 13/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam ban hành theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Danh mục thuế suất hàng nhập khẩu và xuất khẩu.

7. Danh mục thuế suất VAT và các loại thuế sản xuất khác.

8. Danh mục 181 ngành sản phẩm IO ánh xạ sang ngành sản phẩm (VCPA năm 2018) và ngành kinh tế (VSIC năm 2018).

9. Danh mục phân loại chi tiêu dùng cuối cùng của Hộ gia đình theo Quyết định số 11/2018/QĐ-TTg ngày 01/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của hộ gia đình Việt Nam.

10. Danh mục phân loại chi tiêu công theo chức năng (COFOG).

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

a) Dữ liệu thu thập từ phiếu Webform

- Dữ liệu thu thập được lưu trữ tại máy chủ của hệ thống công nghệ thông tin của cuộc điều tra trong suốt quá trình thu thập thông tin.

- ĐTV thực hiện rà soát lại thông tin và yêu cầu đơn vị điều tra hoàn thiện hoặc giải thích đối với các thông tin chưa rõ ràng hoặc chưa nhất quán. ĐTV xác nhận hoàn thành phiếu và duyệt số liệu điều tra.

- Giám sát viên (GSV) các cấp thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau:

+ Rà soát thông tin, kiểm tra, phát hiện lỗi phiếu điều tra và yêu cầu giải trình số liệu;

+ Thông báo lỗi tới GSV cấp dưới trực tiếp để yêu cầu ĐTV phối hợp với đơn vị điều tra xác minh, giải trình và hoàn thiện thông tin;

+ Sau khi thông tin được hoàn thiện, GSV các cấp thực hiện duyệt số liệu trong phạm vi được giao trên hệ thống công nghệ thông tin của cuộc điều tra.

b) Dữ liệu thu thập từ phiếu CAPI

Sau khi hoàn thành phiếu, dữ liệu được đồng bộ từ thiết bị của ĐTV về máy chủ của hệ thống công nghệ thông tin của cuộc điều tra. GSV các cấp thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau:

- Rà soát thông tin, kiểm tra logic phiếu điều tra, nếu phát hiện lỗi đưa ra các yêu cầu giải trình số liệu;
- Thông báo lỗi và yêu cầu giải trình cho GSV cấp dưới trực tiếp để ĐTV xác minh, giải trình và hoàn thiện thông tin;
- Sau khi thông tin được hoàn thiện, GSV các cấp thực hiện duyệt số liệu trong phạm vi được giao trên hệ thống công nghệ thông tin của cuộc điều tra.

2. Tổng hợp kết quả

Kết quả thu thập thông tin của cuộc điều tra sẽ được tổng hợp theo 181 ngành sản phẩm IO, theo thành phần kinh tế cho cả nước và 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để xây dựng các bảng hệ số phục vụ biên soạn hệ thống chỉ tiêu thống kê tài khoản quốc gia, xây dựng bảng cân đối liên ngành và bảng nguồn và sử dụng năm 2025.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA¹

Kế hoạch tiến hành Điều tra IO năm 2026 được thực hiện như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng, lập dự toán kinh phí điều tra.	Tháng 5 - 6/2025	Ban TKQG	Ban TKQG, Ban KHTC
2	Xây dựng Quyết định và Phương án điều tra.	Tháng 7/2025	Ban TKQG	Ban ĐTTK
3	Hoàn thiện Danh mục sản phẩm IO, danh mục đối ứng giữa ngành IO và ngành sản phẩm, ngành kinh tế, danh mục HS, COFOG, COICOP...	Tháng 8/2025	Ban TKQG	Ban ĐTTK
4	Hoàn thiện phương án điều tra dựa trên nhu cầu thông tin.	Tháng 8 - 10/2025	Ban TKQG	Ban ĐTTK
5	Thiết kế quy trình, phương pháp chọn mẫu.	Tháng 10/2025	Ban TKQG	Ban ĐTTK
6	Hoàn thiện các phiếu điều tra, xây dựng biểu kiểm tra, thuật toán kiểm tra logic các phiếu điều tra.	Tháng 11/2025	Ban TKQG	Ban ĐTTK
7	Xây dựng các chương trình phần mềm điều tra: Trang thông tin điện tử cung cấp	Tháng 12/2025 -	TTXL	Ban TKQG

¹ Các chữ viết tắt trong bảng: CTK: Cục Thống kê; Ban TKQG: Ban Hệ thống Tài khoản quốc gia; Ban ĐTTK: Ban Điều tra thống kê; Ban KHTC: Ban Kế hoạch tài chính; VPC: Văn phòng Cục Thống kê; Nhà XBTK: Nhà Xuất bản Thống kê; TTXL: Trung tâm xử lý và tích hợp dữ liệu thống kê; TK tỉnh: Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; TKCS: Đội Thống kê trực thuộc tỉnh.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	thông tin phiếu trực tuyến; thu thập thông tin trên phiếu điện tử CAPI; Trang Web điều hành, quản lý, giám sát điều tra; chương trình tổng hợp số liệu.	tháng 3/2026		
8	Hoàn thiện các loại tài liệu hướng dẫn điều tra.	Tháng 4/2026	Ban TKQG	Ban ĐTTK
9	Chọn mẫu điều tra.	Tháng 4/2026	Ban ĐTTK	Ban TKQG
10	Rà soát đơn vị điều tra.	Tháng 5-6/2026	TK tỉnh	Ban ĐTTK, Ban TKQG
11	Hoàn thiện danh sách bảng kê trên hệ thống phần mềm điều tra IO.	Tháng 6/2026	Ban ĐTTK	Ban TKQG
12	Xây dựng biểu trưng gian, biểu tổng hợp kết quả đầu ra.	Tháng 2 - 4/2026	Ban TKQG	Ban ĐTTK
13	In ấn tài liệu phục vụ tập huấn và điều tra tại địa phương.	Tháng 5/2026	TK tỉnh	
14	Tổ chức Hội nghị tập huấn Toàn quốc.	Tháng 5/2026	Ban ĐTTK	Ban TKQG, Ban KHTC, VPTK, TK tỉnh, TKCS
15	Thu thập thông tin.	Tháng 7 - 8/2026	TK tỉnh	CTK
16	Thu thập thông tin từ các tập đoàn, tổng công ty.	Tháng 7 - 8/2026	Ban ĐTTK	Ban TKQG
17	Giám sát điều tra.	Tháng 7 - 8/2026	CTK, TK tỉnh	Ban TKQG; Ban ĐTTK
18	Xử lý, suy rộng, tổng hợp, tính toán số liệu chuyên ngành để phục vụ lập Bảng IO năm 2025.	Tháng 7 - 9/2026	Các Ban thống kê chuyên ngành	Ban TKQG
19	Kiểm tra, làm sạch, xác minh, hoàn thiện phiếu điều tra tại địa phương và trung ương.	Tháng 9-11/2026	TK tỉnh	Ban ĐTTK, Ban TKQG
20	Nghiệm thu phiếu điều tra tại địa phương và trung ương.	Tháng 10 - 11/2026	TK tỉnh, Ban ĐTTK	Ban TKQG
21	Kiểm tra chuẩn hóa dữ liệu: kiểm tra, xử lý logic dữ liệu điều tra theo ngành kinh tế, ngành sản phẩm; Kiểm tra tổng hợp chỉ tiêu FISIM theo ngành kinh tế, ngành sản phẩm.	Tháng 10/2026 - Tháng 3/2027	Ban TKQG	Ban ĐTTK
22	Xử lý, tổng hợp kết quả điều tra sơ bộ về GO, IC, VA theo ngành kinh tế, ngành sản phẩm, thành phần kinh tế của cả nước và 34 tỉnh, thành phố.	Tháng 03 - 6/2027	Ban TKQG	Ban ĐTTK
23	Xử lý số liệu từ Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước.	Tháng 2 - 4/2027	Ban TKQG	Ban ĐTTK
24	Xử lý, tổng hợp biểu số liệu từ các Ban Thống kê chuyên ngành (Cục Thống kê).	Tháng 2 - 3/2027	Ban TKQG	Các Ban thống kê chuyên ngành

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
25	Xử lý, tổng hợp chỉ tiêu FISIM và biên soạn hệ số IC và các hệ số kỹ thuật khác.	Tháng 7 - 9/2027	Ban TKQG	Ban ĐTTK
26	Tổng hợp, tính toán các hệ số thuộc hệ thống tài khoản quốc gia.	Tháng 4 - 9/2027	Ban TKQG	Ban ĐTTK
27	Xử lý số liệu đầu vào để lập bảng nguồn và bảng sử dụng, bảng cân đối liên ngành năm 2025; lập các ma trận sử dụng nhập khẩu, ma trận sử dụng phí thương mại, ma trận sử dụng phí vận tải, ma trận sử dụng thuế sản phẩm, ma trận sử dụng trợ cấp sản phẩm.	Tháng 01 - 9/2027	Ban TKQG	Các Ban Thống kê chuyên ngành
28	Xây dựng bảng SUT năm 2025 theo giá sử dụng cuối cùng, giá người sản xuất, giá cơ bản.	Tháng 01 - 11/2027	Ban TKQG	Các Ban Thống kê chuyên ngành
29	Lập Bảng IO năm 2025 giá người sản xuất, giá cơ bản.	Tháng 01 - 11/2027	Ban TKQG	Các Ban Thống kê chuyên ngành
30	Biên soạn báo cáo kết quả điều tra (tiếng Việt).	Tháng 9 - 11/2027	Ban TKQG	Ban ĐTTK
31	Biên soạn báo cáo kết quả điều tra (tiếng Anh).	Tháng 11 - 12/2027	Ban TKQG	Ban ĐTTK
32	Tổ chức in, xuất bản và phát hành báo cáo kết quả điều tra (tiếng Việt, tiếng Anh).	Tháng 12/2027	VPC	Ban KHTC, Nhà XBTK

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị

a. Chọn mẫu, cập nhật danh sách mẫu điều tra

Cục Thống kê chọn mẫu các đơn vị điều tra và hướng dẫn Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết gọn là Thống kê tỉnh) thực hiện rà soát, cập nhật và thay thế mẫu tại địa phương.

b. Tuyển chọn điều tra viên thống kê và giám sát viên

Thống kê tỉnh thực hiện tuyển chọn ĐTV là người am hiểu địa bàn, đơn vị điều tra, có tinh thần trách nhiệm, ưu tiên những người đã tham gia các cuộc Tổng điều tra thống kê. Căn cứ trên số lượng mẫu thu thập thông tin và tình hình triển khai điều tra thu thập thông tin trên địa bàn, Thống kê tỉnh lựa chọn số lượng điều tra viên để thực hiện điều tra thu thập thông tin.

Phiếu số 01/IO-DN, Phiếu số 02/IO-DN và Phiếu số 03/IO-HCSN có nội dung phức tạp, Thống kê tỉnh tuyển chọn ĐTV tham gia hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị hành chính, sự nghiệp điền thông tin trên Trang thông tin điện tử.

GSV là những người thực hiện công việc giám sát các hoạt động của mạng lưới ĐTV, hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới (nếu có) và các ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. GSV có 02 cấp: Cấp trung ương và cấp tỉnh.

c. Tập huấn nghiệp vụ điều tra

Công tác tập huấn được thực hiện ở 02 cấp: Cấp trung ương và cấp tỉnh.

Cấp trung ương: Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm. Hội nghị tập huấn nghiệp vụ, thời gian: 03 ngày; hội nghị tập huấn hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm, thời gian: 02 ngày.

Thành phần tham dự tập huấn gồm: GSV cấp trung ương; giảng viên và GSV cấp tỉnh.

Cấp tỉnh: Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm. Hội nghị tập huấn nghiệp vụ, thời gian: 03 ngày; hội nghị tập huấn hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm, thời gian: 02 ngày.

Thành phần tham dự tập huấn gồm: ĐTV; GSV cấp tỉnh và GSV cấp cơ sở.

d. Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và công nghệ thông tin do Cục Thống kê biên soạn; Thống kê tỉnh chủ động in, phô tô và phân phối tại địa phương bảo đảm đủ, đúng thời gian quy định.

e. Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Chương trình chọn mẫu đơn vị điều tra; chương trình thu thập thông tin trên Webform; chương trình thu thập thông tin trên máy tính bảng và điện thoại thông minh; chương trình quản lý giám sát, kiểm tra và duyệt phiếu điều tra điện tử; chương trình tổng hợp kết quả điều tra do Cục Thống kê xây dựng.

2. Công tác thu thập thông tin

Công tác thu thập thông tin tại địa bàn đối với các đơn vị điều tra được thực hiện từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 10/8/2026.

Thống kê cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện công tác thu thập thông tin bảo đảm tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra đối với 02 loại phiếu: Phiếu điều tra trực tuyến (webform), phiếu điều tra điện tử (CAPI).

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát rà soát, thu thập thông tin đơn vị điều tra; kiểm tra, giám sát số lượng và chất lượng thông tin do các đơn vị điều tra cung cấp.

Hoạt động kiểm tra, giám sát tập trung vào quá trình điều tra tại thực địa, kiểm tra và duyệt phiếu trên Trang Web điều hành tác nghiệp.

Hình thức kiểm tra, giám sát: Kiểm tra, giám sát trực tuyến trên trang Web điều hành tác nghiệp; giám sát trực tiếp. GSV thường xuyên kiểm tra dữ liệu trên chương trình phần mềm và thông báo đề nghị đơn vị điều tra, ĐTV xác minh hoàn thiện phiếu điều tra.

Dữ liệu điều tra phiếu trực tuyến, phiếu điện tử được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung Điều tra IO năm 2026; được làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra.

4. Phân công thực hiện

a. Ban Hệ thống Tài khoản quốc gia

- (1) Chủ trì thực hiện hoàn thiện phương án điều tra; phiếu điều tra và sổ tay hướng dẫn phiếu điều tra;
- (2) Xây dựng quy trình và phương pháp chọn mẫu;
- (3) Xây dựng các yêu cầu về biểu kiểm tra, lô-gíc kiểm tra, rà soát dữ liệu; xây dựng biểu đầu ra;
- (4) Xử lý, suy rộng, tổng hợp, phân tích kết quả số liệu điều tra;
- (5) Biên soạn báo cáo và công bố kết quả điều tra; phối hợp với Ban ĐTTK và các đơn vị liên quan triển khai, kiểm tra, giám sát thu thập thông tin ở Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và thực hiện các công việc khác theo kế hoạch điều tra.

b. Ban Điều tra thống kê

- (1) Chủ trì thực hiện chọn mẫu, rà soát danh sách chọn mẫu điều tra;
- (2) Tổ chức Hội nghị tập huấn Toàn quốc;
- (3) Thu thập thông tin tại các Tập đoàn, tổng công ty;
- (4) Tổ chức nghiệm thu, kiểm tra, làm sạch, xác minh, hoàn thiện phiếu điều tra;
- (5) Chủ trì, phối hợp với Ban TKQG xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt;
- (6) Thực hiện toàn bộ quy trình thu thập và xử lý thông tin điều tra và các công việc khác theo kế hoạch điều tra.

c. Ban Chính sách chiến lược và Dữ liệu thống kê

Chia sẻ dữ liệu vi mô (doanh nghiệp, hộ SXKD cá thể, cơ sở hành chính, sự nghiệp) để Ban TKQG xây dựng quy trình và phương pháp chọn mẫu.

d. Trung tâm xử lý và tích hợp dữ liệu thống kê

(1) Chủ trì, phối hợp với Ban Điều tra thống kê thực hiện xây dựng các chương trình phần mềm ứng dụng điều tra, phần mềm chọn mẫu, quản lý, giám sát điều tra, phần mềm xử lý, suy rộng, tổng hợp kết quả điều tra;

(2) Hoàn thiện các hướng dẫn sử dụng thiết bị thu thập thông tin và cung cấp thông tin phiếu trực tuyến.

đ. Các Ban Thống kê chuyên ngành

Chủ trì, phối hợp với Ban TKQG xử lý, tổng hợp, cung cấp số liệu chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ do Ban phụ trách đề phục vụ lập Bảng IO năm 2025 của Việt Nam bao gồm: Số liệu giá trị sản xuất theo giá hiện hành phân theo 181 ngành sản phẩm IO, theo thành phần kinh tế của 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chỉ tiêu dùng cuối cùng của các hộ dân cư; vốn đầu thực hiện toàn xã hội phân theo mục đích đầu tư; thu nhập bình quân đầu người; giá trị xuất, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ; thuế suất thuế VAT, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt, trợ cấp sản xuất...

e. Ban Kế hoạch tài chính

Chủ trì, phối hợp với Ban ĐTTK, Ban TKQG dự trù và bảo đảm kinh phí điều tra; hướng dẫn định mức chi tiết cho các đơn vị sử dụng kinh phí điều tra; cấp phát kinh phí; hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp và duyệt báo cáo quyết toán tài chính của các đơn vị.

f. Văn phòng Cục Thống kê

Phối hợp với Ban ĐTTK, Ban TKQG và các đơn vị liên quan tổ chức Hội nghị tập huấn cấp trung ương; phối hợp với các đơn vị trong việc tổ chức biên soạn, phát hành báo cáo kết quả điều tra.

g. Thống kê tỉnh

Tổ chức, chỉ đạo toàn diện cuộc điều tra tại địa phương từ bước rà soát đơn vị điều tra; tuyển chọn, tập huấn cho ĐTV và GSV địa phương; điều tra thực địa; kiểm tra, giám sát việc tập huấn và thu thập thông tin tại địa bàn; nghiệm thu phiếu điều tra; rà soát, kiểm tra kết quả thu thập thông tin.

Trưởng Thống kê tỉnh chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thống kê về chất lượng thông tin điều tra và quản lý, sử dụng kinh phí điều tra trên địa bàn. Trong thời gian điều tra, Thống kê tỉnh phân công người đã được tập huấn nghiệp vụ trực tiếp xuống từng địa bàn kiểm tra, giám sát ĐTV.

i. Thống kê cơ sở

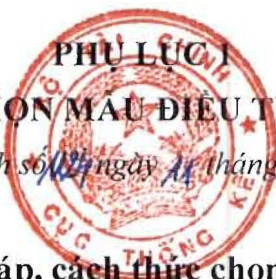
Có nhiệm vụ hướng dẫn ĐTV thực hiện nhiệm vụ: tham gia giám sát công tác điều tra ở địa bàn; kiểm tra, rà soát kết quả thu thập thông tin và duyệt số liệu phiếu điều tra theo phân công của Thống kê tỉnh.

X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra IO năm 2026 do Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra IO năm 2026 theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành./.



QUY TRÌNH CHỌN MẪU ĐIỀU TRA IO NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1027 ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Cục Thống kê)

I. Quy trình, phương pháp, cách thức chọn mẫu doanh nghiệp/hợp tác xã

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

1.1. Yêu cầu chọn mẫu

Doanh nghiệp chọn mẫu đảm bảo tiêu chí đại diện cho tỉnh/thành phố và 03 loại hình doanh nghiệp (nhà nước, ngoài nhà nước, FDI) theo 181 ngành sản phẩm IO.

1.2. Phương pháp chọn mẫu

Tổng số lượng doanh nghiệp điều tra chiếm 3,5 phần trăm tổng số doanh nghiệp năm 2025 (28.000 doanh nghiệp). Mẫu điều tra được phân bổ theo tỷ lệ thuận với căn bậc hai của tổng số doanh nghiệp. Dựa vào tỷ lệ căn bậc 2 để xác định số lượng mẫu theo từng tỉnh, từng loại hình.

Để xác định số lượng mẫu ta tiến hành theo 3 bước sau:

Bước 1: Xác định cỡ mẫu cho từng tỉnh, thành phố

$$m_i = N \times \frac{\sqrt{M_i}}{\sum_1^{34} \sqrt{M_i}}$$

Trong đó:

- m_i : Số lượng mẫu của tỉnh/thành phố i.
- M_i : Tổng số doanh nghiệp của tỉnh/thành phố i.
- N : Tổng số doanh nghiệp của toàn quốc.

Bước 2: Xác định cỡ mẫu cho từng loại hình doanh nghiệp

$$m_{ij} = N_i \times \frac{\sqrt{M_{ij}}}{\sum_1^3 \sqrt{M_{ij}}}$$

Trong đó:

- m_{ij} : Số lượng mẫu theo loại hình doanh nghiệp j của tỉnh/thành phố i.
- M_{ij} : Tổng số doanh nghiệp theo loại hình doanh nghiệp j của tỉnh/thành phố i.
- N_i : Tổng số doanh nghiệp của tỉnh/thành phố i.

Bước 3: Xác định cỡ mẫu cho từng ngành

$$m_{ijk} = N_{ij} \times \frac{\sqrt{M_{ijk}}}{\sum_1^{181} \sqrt{M_{ijk}}}$$

Trong đó:

- M_{ijk} : Số lượng mẫu thuộc ngành k , theo loại hình j , của tỉnh/thành phố i .
- M_{ijk} : Tổng số doanh nghiệp thuộc ngành k , theo loại hình j , của tỉnh/thành phố i .
- N_{ij} : Tổng số doanh nghiệp theo loại hình j của tỉnh/thành phố i .

2. Chọn đơn vị mẫu điều tra

2.1. Các thông tin cần có để chọn mẫu

Danh sách các doanh nghiệp chọn mẫu điều tra dựa trên danh sách nền của Điều tra doanh nghiệp năm 2025.

2.2. Điều kiện chọn các doanh nghiệp

Doanh nghiệp được chọn mẫu phải thỏa mãn các điều kiện sau: Tình trạng đang hoạt động ở điều tra doanh nghiệp năm 2025, tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp ở ngành chọn mẫu phải đạt từ 100 triệu đồng/năm trở lên.

2.3. Cách thức chọn mẫu

Bước 1: Xác định ngành IO chính của doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp đơn ngành: Căn cứ ngành kinh tế VSIC cấp 5, quy đổi sang ngành IO thông qua bảng mã liên kết ngành cấp 5 - ngành IO.

Đối với doanh nghiệp đa ngành: Cần xác định ngành IO chính dựa trên giá trị sản xuất (GO) của từng ngành cấp 5 mà doanh nghiệp hoạt động:

GO thương mại, kinh doanh bất động sản = Doanh thu thuần ngành thương mại - Trị giá vốn hàng bán

GO dịch vụ ăn uống = Doanh thu thuần dịch vụ ăn uống - Trị giá vốn hàng chuyển bán

GO dịch vụ lữ hành = Doanh thu thuần dịch vụ lữ hành - Chi trả hộ khách

GO hoạt động xổ số = Doanh thu thuần kinh doanh xổ số - Tiền chi trả thưởng

GO các ngành còn lại = Doanh thu thuần ngành tương ứng.

Sau đó, cộng dồn GO của các ngành cấp 5 thuộc cùng một nhóm ngành IO, rồi xác định ngành IO chính là ngành có GO lớn nhất.

Bước 2: Chọn mẫu

Điều tra toàn bộ

Toàn bộ các Tập đoàn và Tổng công ty được điều tra đầy đủ theo danh sách đính kèm tại Phụ lục 02.

Chọn mẫu đối với hoạt động gia công

Lựa chọn 50 doanh nghiệp trong cả nước có hoạt động gia công, lắp ráp hàng hóa cho đơn vị bên ngoài từ kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2025.

Chọn mẫu đối với các doanh nghiệp còn lại (sau khi loại trừ các đơn vị điều tra toàn bộ và các đơn vị hoạt động có gia công):

Bước 2.1: Sắp xếp các doanh nghiệp theo giá trị sản xuất (GO) giảm dần, trong từng nhóm:

- + Theo loại hình doanh nghiệp;
- + Theo tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương;
- + Theo ngành sản phẩm IO.

Bước 2.2: Đánh số thứ tự ưu tiên từ 1 đến hết cho từng doanh nghiệp trong mỗi nhóm (theo ngành IO, theo tỉnh/thành phố và theo loại hình doanh nghiệp).

Bước 2.3: Chọn doanh nghiệp có số thứ tự nhỏ nhất cho đến khi đủ số lượng mẫu được phân bổ cho:

- + Từng tỉnh, thành phố;
- + Từng loại hình doanh nghiệp;
- + Từng ngành sản phẩm IO.

2.4. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong các trường hợp:

- Doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh thu, chi phí trong năm 2025;
- Doanh nghiệp đổi ngành sản phẩm IO.

Cách chọn mẫu thay thế: Chọn các doanh nghiệp có hoạt động cùng ngành IO, cùng loại hình kinh tế; trường hợp mẫu dự phòng không có doanh nghiệp cùng loại hình thì có thể chọn doanh nghiệp có cùng ngành IO nhưng khác loại hình.

II. Quy trình, phương pháp, cách thức chọn mẫu khối hành chính, sự nghiệp, hiệp hội

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

1.1. Yêu cầu chọn mẫu

Đơn vị chọn mẫu đảm bảo tiêu chí đại diện cho tỉnh/thành phố và 03 khối hành chính, sự nghiệp và hiệp hội theo 181 ngành sản phẩm IO.

1.2. Phân bổ số lượng mẫu điều tra

Tổng số lượng đơn vị điều tra là 2.585 đơn vị. Mẫu điều tra được phân bổ theo tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô tổng số đơn vị điều tra mẫu của toàn quốc. Để xác định số lượng mẫu của từng tỉnh, thành phố, tiến hành theo 2 bước sau:

Bước 1: Xác định cỡ mẫu cho từng tỉnh/thành phố theo công thức:

$$m_i = N \times \frac{\sqrt{M_i}}{\sum_1^{34} \sqrt{M_i}}$$

Trong đó:

- m_i : Số lượng mẫu của tỉnh/thành phố i .
- M_i : Tổng số đơn vị HCSN của tỉnh/thành phố i .
- N : Tổng số đơn vị điều tra mẫu của toàn quốc.

Bước 2: Xác định cỡ mẫu cho từng loại đơn vị HCSN của từng tỉnh theo công thức:

$$m_{ij} = N_i \times \frac{\sqrt{M_{ij}}}{\sum_1^3 \sqrt{M_{ij}}}$$

Trong đó:

- m_{ij} : Số lượng mẫu theo 3 loại đơn vị (Hành chính, sự nghiệp, hiệp hội) của từng tỉnh/thành phố.
- M_{ij} : Tổng số đơn vị HCSN của mỗi loại hình i thuộc tỉnh j .
- N_i : Tổng số đơn vị HCSN của tỉnh/thành phố i đã xác định ở bước 1.

Bước 3: Xác định cỡ mẫu cho từng ngành

$$m_{ijk} = N_{ij} \times \frac{\sqrt{M_{ijk}}}{\sum_1^{181} \sqrt{M_{ijk}}}$$

Trong đó:

- M_{ijk} : Số lượng mẫu thuộc ngành k , theo loại đơn vị HCSN j , của tỉnh/thành phố i .
- M_{ijk} : Tổng số đơn vị thuộc ngành k , theo loại đơn vị HCSN j , của tỉnh/thành phố i .
- N_{ij} : Tổng số đơn vị theo loại đơn vị HCSN j của tỉnh/thành phố i .

2. Chọn đơn vị mẫu điều tra

2.1. Các thông tin cần có để chọn mẫu

Sử dụng danh sách các đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội được cập nhật đến thời điểm chọn mẫu.

2.2. Cách thức chọn mẫu

Bước 1: Xác định ngành IO của đơn vị.

Xác định ngành sản phẩm IO thông qua bảng mã liên kết ngành cấp 5 và ngành sản phẩm IO.

Bước 2: Chọn mẫu.

Chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều.

2.3. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong các trường hợp:

- Đơn vị ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh thu, chi phí trong năm 2025;

- Đơn vị đổi ngành sản phẩm IO;

Cách chọn mẫu thay thế: Chọn các đơn vị có hoạt động cùng ngành sản phẩm IO.

III. Quy trình, phương pháp, cách thức chọn mẫu khối cá thể phi nông lâm nghiệp và thủy sản

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

1.1. Yêu cầu chọn mẫu

Cơ sở chọn mẫu đảm bảo tiêu chí đại diện cho 148 ngành sản phẩm IO (không bao gồm các ngành sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản) theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cả nước, loại khỏi danh sách chọn mẫu các cơ sở có doanh thu nhỏ hơn 100 triệu đồng/năm.

1.2. Phân bổ số lượng mẫu điều tra

Tổng số lượng cơ sở mẫu điều tra chiếm 0,28 phần trăm mẫu tổng thể (14.760 cơ sở). Mẫu điều tra của từng tỉnh, thành phố được phân bổ tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô tổng số lượng cơ sở.

Bước 1: Xác định cỡ mẫu cho từng tỉnh

$$m_i = N \times \frac{\sqrt{M_i}}{\sum_1^{34} \sqrt{M_i}}$$

Trong đó:

- m_i : Số lượng mẫu của tỉnh/thành phố i.
- M_i : Tổng số cơ sở của tỉnh/thành phố i.
- N : Tổng số lượng cơ sở mẫu điều tra.

Bước 2: Xác định cỡ mẫu cho từng ngành

$$m_{ij} = N_i \times \frac{\sqrt{M_{ij}}}{\sum_1^{148} \sqrt{M_{ij}}}$$

Trong đó:

- m_{ij} : Số lượng mẫu theo ngành j của tỉnh/thành phố i.
- M_{ij} : Tổng số cơ sở theo ngành j của tỉnh/thành phố i.
- N_i : Tổng số lượng cơ sở mẫu của tỉnh/thành phố i.

2. Chọn đơn vị mẫu điều tra

2.1. Cách thức chọn mẫu

Bước 1: Xác định ngành sản phẩm IO của cơ sở.

Đối với cơ sở đơn ngành: xác định ngành sản phẩm IO thông qua bảng mã liên kết ngành cấp 5 và ngành sản phẩm IO.

Đối với cơ sở đa ngành: xác định ngành sản phẩm IO dựa trên giá trị sản xuất lớn nhất của cơ sở đó.

Bước 2: Chọn mẫu.

Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống theo tiêu chí giá trị sản xuất.

2.2. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong các trường hợp:

- Cơ sở ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh thu, chi phí trong năm 2025;
- Cơ sở đổi ngành sản phẩm IO;

Cách chọn mẫu thay thế: chọn các cơ sở có hoạt động cùng ngành sản phẩm IO.

IV. Quy trình chọn mẫu hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

1.1. Yêu cầu của chọn mẫu

Hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chọn mẫu đại diện đến cấp tỉnh, thành phố theo 33 ngành sản phẩm IO.

Sử dụng dàn mẫu của Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 và bảng kê của điều tra thường xuyên.

1.2. Phương pháp chọn mẫu

Quy mô mẫu

Quy mô mẫu của các hộ có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 7.988 hộ.

Phân bổ mẫu

Mỗi ngành ở tỉnh có khoảng xấp xỉ 7 hộ mẫu.

Căn cứ trên dàn mẫu của từng ngành IO, sắp xếp các hộ theo từng tỉnh và thực hiện chọn mẫu theo các bước sau:

Bước 1: Tính toán chỉ số trung bình và trung vị theo các chỉ tiêu đại diện cho hoạt động sản xuất của từng sản phẩm IO trong phạm vi tỉnh và tính riêng biệt theo 33 ngành sản phẩm, sau đó xác định điểm cắt để loại bỏ các hộ có tiêu chí đại diện thấp dưới điểm cắt.

Tiêu chí đại diện theo từng ngành IO như sau:

STT	Ngành sản phẩm	Tiêu chí đại diện
1	Thóc khô	Diện tích
2	Ngô và sản phẩm cây lương thực có hạt khác	Diện tích
3	Sản phẩm cây lấy củ có chất bột	Diện tích
4	Sản phẩm cây có hạt chứa dầu	Diện tích
5	Mía cây tươi	Diện tích
6	Rau, dưa, đậu các loại	Diện tích
7	Sản phẩm hoa và hạt giống hoa hàng năm	Diện tích
8	Sản phẩm cây hàng năm khác còn lại	Diện tích
9	Sản phẩm cây ăn quả	Diện tích trồng tập trung
10	Hạt điều khô	Diện tích trồng tập trung
11	Hạt hồ tiêu	Diện tích trồng tập trung
12	Mủ cao su khô	Diện tích trồng tập trung
13	Cà phê nhân	Diện tích trồng tập trung
14	Chè búp tươi, chè lá tươi	Diện tích trồng tập trung
15	Sản phẩm cây lâu năm khác còn lại	Diện tích trồng tập trung
16	Sản phẩm chăn nuôi trâu, bò	Số đầu con
17	Sản phẩm chăn nuôi lợn	Số đầu con
18	Sản phẩm chăn nuôi gia cầm	Số đầu con
19	Sản phẩm chăn nuôi khác còn lại	Số đầu con
20	Dịch vụ nông nghiệp	Doanh thu
21	Sản phẩm săn bắt, đánh bắt và dịch vụ có liên quan	Diện tích cho sản phẩm
22	Các sản phẩm nông nghiệp khác chưa được phân vào đầu	Doanh thu
23	Sản phẩm trồng rừng và chăm sóc rừng và cây giống lâm nghiệp	Diện tích và doanh thu
24	Gỗ khai thác	Diện tích thu hoạch
25	Lâm sản khai thác thu nhặt khác trừ gỗ	Chọn ngẫu nhiên không có tiêu chí lọc
26	Dịch vụ lâm nghiệp	Chọn ngẫu nhiên không có tiêu chí lọc

27	Sản phẩm thủy sản khai thác biển	Chiều dài tàu
28	Sản phẩm thủy sản khai thác nội địa	Chọn ngẫu nhiên không có tiêu chí lọc
29	Sản phẩm thủy sản nuôi trồng biển	Diện tích
30	Cá tra	Diện tích
31	Tôm sú, tôm thẻ chân trắng	Diện tích
32	Sản phẩm thủy sản nuôi trồng nội địa khác	Diện tích
33	Giống thủy sản nội địa	Doanh thu

Bước 2: Sắp xếp các hộ còn lại theo 33 ngành sản phẩm IO, theo tiêu chí đại diện từ cao xuống thấp và chọn ngẫu nhiên cho đến khi đủ số lượng mẫu của mỗi tỉnh.

1.3. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong các trường hợp:

- Hộ không có hoạt động sản xuất sản phẩm IO (sản phẩm IO gắn với mẫu của hộ) năm 2025.

Cách chọn mẫu thay thế: chọn các hộ có hoạt động trong cùng ngành sản phẩm IO.

V. Quy trình chọn mẫu đơn vị không vì lợi

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

Đơn vị không vì lợi sử dụng dàn mẫu của Tổng điều tra Kinh tế năm 2026 để chọn mẫu.

2. Chọn đơn vị mẫu điều tra

2.1 Quy mô mẫu

Mẫu đơn vị không vì lợi gồm 990 cơ sở tôn giáo tín ngưỡng.

2.2 Phân bổ mẫu điều tra

Mẫu điều tra được phân bổ theo tỷ lệ thuận với căn bậc hai của số lượng các đơn vị không vì lợi đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố theo công thức:

$$m_i = N \times \frac{\sqrt{M_i}}{\sum_1^{34} \sqrt{M_i}}$$

Trong đó:

- m_i : Số lượng mẫu của tỉnh/thành phố i.
- M_i : Tổng số đơn vị không vì lợi của tỉnh/thành phố i.
- N : Tổng số đơn vị không vì lợi của toàn quốc.

2.3 Cách thức chọn mẫu

Chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều.

Bước 1: Loại bỏ ra khỏi dàn chọn mẫu những cơ sở tôn giáo tín ngưỡng không có đầy đủ thông tin, địa chỉ rõ ràng.

Bước 2: Phân chia danh sách đơn vị vô vị lợi thành 34 tầng chọn mẫu tương ứng với 34 tỉnh/thành phố.

Bước 3: Chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống riêng biệt theo từng tầng.

2.4 Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong trường hợp đơn vị không vị lợi không còn hoạt động hoặc không còn tồn tại ở địa bàn điều tra; sử dụng dàn mẫu còn lại để thay thế.

VI. Quy trình chọn mẫu hộ dân cư

1. Dàn chọn mẫu:

- Sử dụng dàn mẫu Tổng điều tra dân số năm 2019 để thực hiện chọn mẫu.
- Sử dụng khoảng 70% số lượng hộ điều tra mẫu chi tiêu của Khảo sát mức sống 2026 (6.600 hộ).

2. Phân bổ mẫu:

Số lượng hộ chọn mẫu tiêu dùng cuối cùng được phân bổ theo tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô dân số của từng tỉnh/thành phố.

3. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong trường hợp hộ không còn tại địa bàn điều tra, sử dụng dàn mẫu còn lại trong danh sách mẫu điều tra chi tiêu để thay thế.

PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH CÁC TỔNG CÔNG TY VÀ DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG
HẠCH TOÁN TOÀN NGÀNH TRONG ĐIỀU TRA IO 2026**

1/2

1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
2. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
3. Tổng công ty Dịch vụ viễn thông (VNPT Vinaphone);
4. Tổng công ty Viễn thông Mobiphone;
5. Tổng công ty Điện lực miền Bắc
6. Tổng công ty Điện lực miền Nam
7. Tổng công ty Điện lực miền Trung
8. Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội;
9. Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh
10. Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia;
11. Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
12. Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
13. Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;
14. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam;
15. Tổng công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam;
16. Công ty Bảo hiểm nhân thọ Manulife;
17. Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex;
18. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
19. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam;
20. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam);
20. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
21. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
22. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
23. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;
24. Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam;
25. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín;
26. Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam;
27. Ngân hàng TMCP Á Châu;
28. Ngân hàng TNHH MTV số Vikki;

29. Ngân hàng TMCP Sài Gòn;
30. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
31. Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố HCM;
32. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;
33. Ngân hàng TMCP Quân đội;
34. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số;
35. Ngân hàng TMCP Bắc Á;
36. Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam;
37. Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam;
38. Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
39. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam;
40. Ngân hàng TMCP Phương Đông;
41. Ngân hàng TMCP Quốc Tế;
42. Ngân hàng TMCP Tiên Phong;
43. Ngân hàng Chính sách xã hội;
44. Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
45. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam;
46. Ngân hàng TNHH Indovina (Indovina Bank Limited - IVB)
47. Ngân hàng liên doanh Việt - Nga
48. Ngân hàng ANZ Việt Nam
49. Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam
50. Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Việt Nam
51. Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên SHINHAN Việt Nam
52. Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên HONG LEONG Việt Nam
53. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam
54. Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam
55. Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông;
56. Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
57. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội;
58. Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
59. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
60. Công ty cổ phần Hàng không Vietjet;

61. Tổng công ty Viễn thông Viettel;
62. Tổng công ty dịch vụ số Viettel;
63. Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel;
64. Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí;
65. Tổng công ty khí Việt Nam;
66. Tổng công ty dầu Việt Nam.

PHỤ LỤC 1

QUY TRÌNH CHỌN MẪU ĐIỀU TRA IO NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1124 ngày 11 tháng 5 năm 2025 của Cục Thống kê)

I. Quy trình, phương pháp, cách thức chọn mẫu doanh nghiệp/hợp tác xã

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

1.1. Yêu cầu chọn mẫu

Doanh nghiệp chọn mẫu đảm bảo tiêu chí đại diện cho tỉnh/thành phố và 03 loại hình doanh nghiệp (nhà nước, ngoài nhà nước, FDI) theo 181 ngành sản phẩm IO.

1.2. Phương pháp chọn mẫu

Tổng số lượng doanh nghiệp điều tra chiếm 3,5 phần trăm tổng số doanh nghiệp năm 2025 (28.000 doanh nghiệp). Mẫu điều tra được phân bổ theo tỷ lệ thuận với căn bậc hai của tổng số doanh nghiệp. Dựa vào tỷ lệ căn bậc 2 để xác định số lượng mẫu theo từng tỉnh, từng loại hình.

Để xác định số lượng mẫu ta tiến hành theo 3 bước sau:

Bước 1: Xác định cỡ mẫu cho từng tỉnh, thành phố

$$m_i = N \times \frac{\sqrt{M_i}}{\sum_1^{34} \sqrt{M_i}}$$

Trong đó:

- m_i : Số lượng mẫu của tỉnh/thành phố i.
- M_i : Tổng số doanh nghiệp của tỉnh/thành phố i.
- N : Tổng số doanh nghiệp của toàn quốc.

Bước 2: Xác định cỡ mẫu cho từng loại hình doanh nghiệp

$$m_{ij} = N_i \times \frac{\sqrt{M_{ij}}}{\sum_1^3 \sqrt{M_{ij}}}$$

Trong đó:

- m_{ij} : Số lượng mẫu theo loại hình doanh nghiệp j của tỉnh/thành phố i.
- M_{ij} : Tổng số doanh nghiệp theo loại hình doanh nghiệp j của tỉnh/thành phố i.
- N_i : Tổng số doanh nghiệp của tỉnh/thành phố i.

Bước 3: Xác định cỡ mẫu cho từng ngành

$$m_{ijk} = N_{ij} \times \frac{\sqrt{M_{ijk}}}{\sum_1^{181} \sqrt{M_{ijk}}}$$

Trong đó:

- M_{ijk} : Số lượng mẫu thuộc ngành k, theo loại hình j, của tỉnh/thành phố i.
- M_{ijk} : Tổng số doanh nghiệp thuộc ngành k, theo loại hình j, của tỉnh/thành phố i.
- N_{ij} : Tổng số doanh nghiệp theo loại hình j của tỉnh/thành phố i.

2. Chọn đơn vị mẫu điều tra

2.1. Các thông tin cần có để chọn mẫu

Danh sách các doanh nghiệp chọn mẫu điều tra dựa trên danh sách nền của Điều tra doanh nghiệp năm 2025.

2.2. Điều kiện chọn các doanh nghiệp

Doanh nghiệp được chọn mẫu phải thỏa mãn các điều kiện sau: Tình trạng đang hoạt động ở điều tra doanh nghiệp năm 2025, tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp ở ngành chọn mẫu phải đạt từ 100 triệu đồng/năm trở lên.

2.3. Cách thức chọn mẫu

Bước 1: Xác định ngành IO chính của doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp đơn ngành: Căn cứ ngành kinh tế VSIC cấp 5, quy đổi sang ngành IO thông qua bảng mã liên kết ngành cấp 5 - ngành IO.

Đối với doanh nghiệp đa ngành: Cần xác định ngành IO chính dựa trên giá trị sản xuất (GO) của từng ngành cấp 5 mà doanh nghiệp hoạt động:

GO thương mại, kinh doanh bất động sản = Doanh thu thuần ngành thương mại - Trị giá vốn hàng bán

GO dịch vụ ăn uống = Doanh thu thuần dịch vụ ăn uống - Trị giá vốn hàng chuyển bán

GO dịch vụ lữ hành = Doanh thu thuần dịch vụ lữ hành - Chi trả hộ khách

GO hoạt động xổ số = Doanh thu thuần kinh doanh xổ số - Tiền chi trả thưởng

GO các ngành còn lại = Doanh thu thuần ngành tương ứng.

Sau đó, cộng dồn GO của các ngành cấp 5 thuộc cùng một nhóm ngành IO, rồi xác định ngành IO chính là ngành có GO lớn nhất.

Bước 2: Chọn mẫu

Điều tra toàn bộ

Toàn bộ các Tập đoàn và Tổng công ty được điều tra đầy đủ theo danh sách đính kèm tại Phụ lục 02.

Chọn mẫu đối với hoạt động gia công

Lựa chọn 50 doanh nghiệp trong cả nước có hoạt động gia công, lắp ráp hàng hóa cho đơn vị bên ngoài từ kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2025.

Chọn mẫu đối với các doanh nghiệp còn lại (sau khi loại trừ các đơn vị điều tra toàn bộ và các đơn vị hoạt động có gia công):

Bước 2.1: Sắp xếp các doanh nghiệp theo giá trị sản xuất (GO) giảm dần, trong từng nhóm:

- + Theo loại hình doanh nghiệp;
- + Theo tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương;
- + Theo ngành sản phẩm IO.

Bước 2.2: Đánh số thứ tự ưu tiên từ 1 đến hết cho từng doanh nghiệp trong mỗi nhóm (theo ngành IO, theo tỉnh/thành phố và theo loại hình doanh nghiệp).

Bước 2.3: Chọn doanh nghiệp có số thứ tự nhỏ nhất cho đến khi đủ số lượng mẫu được phân bổ cho:

- + Từng tỉnh, thành phố;
- + Từng loại hình doanh nghiệp;
- + Từng ngành sản phẩm IO.

2.4. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong các trường hợp:

- Doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh thu, chi phí trong năm 2025;
- Doanh nghiệp đổi ngành sản phẩm IO.

Cách chọn mẫu thay thế: Chọn các doanh nghiệp có hoạt động cùng ngành IO, cùng loại hình kinh tế; trường hợp mẫu dự phòng không có doanh nghiệp cùng loại hình thì có thể chọn doanh nghiệp có cùng ngành IO nhưng khác loại hình.

II. Quy trình, phương pháp, cách thức chọn mẫu khởi hành chính, sự nghiệp, hiệp hội

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

1.1. Yêu cầu chọn mẫu

Đơn vị chọn mẫu đảm bảo tiêu chí đại diện cho tỉnh/thành phố và 03 khối hành chính, sự nghiệp và hiệp hội theo 181 ngành sản phẩm IO.

1.2. Phân bổ số lượng mẫu điều tra

Tổng số lượng đơn vị điều tra là 2.585 đơn vị. Mẫu điều tra được phân bổ theo tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô tổng số đơn vị điều tra mẫu của toàn quốc. Để xác định số lượng mẫu của từng tỉnh, thành phố, tiến hành theo 2 bước sau:

Bước 1: Xác định cỡ mẫu cho từng tỉnh/thành phố theo công thức:

$$m_i = N \times \frac{\sqrt{M_i}}{\sum_1^{34} \sqrt{M_i}}$$

Trong đó:

- m_i : Số lượng mẫu của tỉnh/thành phố i.
- M_i : Tổng số đơn vị HCSN của tỉnh/thành phố i.
- N : Tổng số đơn vị điều tra mẫu của toàn quốc.

Bước 2: Xác định cỡ mẫu cho từng loại đơn vị HCSN của từng tỉnh theo công thức:

$$m_{ij} = N_i \times \frac{\sqrt{M_{ij}}}{\sum_1^3 \sqrt{M_{ij}}}$$

Trong đó:

- m_{ij} : Số lượng mẫu theo 3 loại đơn vị (Hành chính, sự nghiệp, hiệp hội) của từng tỉnh/thành phố.
- M_{ij} : Tổng số đơn vị HCSN của mỗi loại hình i thuộc tỉnh j.
- N_i : Tổng số đơn vị HCSN của tỉnh/thành phố i đã xác định ở bước 1.

Bước 3: Xác định cỡ mẫu cho từng ngành

$$m_{ijk} = N_{ij} \times \frac{\sqrt{M_{ijk}}}{\sum_1^{181} \sqrt{M_{ijk}}}$$

Trong đó:

- M_{ijk} : Số lượng mẫu thuộc ngành k, theo loại đơn vị HCSN j, của tỉnh/thành phố i.
- M_{ijk} : Tổng số đơn vị thuộc ngành k, theo loại đơn vị HCSN j, của tỉnh/thành phố i.
- N_{ij} : Tổng số đơn vị theo loại đơn vị HCSN j của tỉnh/thành phố i.

2. Chọn đơn vị mẫu điều tra

2.1. Các thông tin cần có để chọn mẫu

Sử dụng danh sách các đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội được cập nhật đến thời điểm chọn mẫu.

2.2. Cách thức chọn mẫu

Bước 1: Xác định ngành IO của đơn vị.

Xác định ngành sản phẩm IO thông qua bảng mã liên kết ngành cấp 5 và ngành sản phẩm IO.

Bước 2: Chọn mẫu.

Chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều.

2.3. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong các trường hợp:

- Đơn vị ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh thu, chi phí trong năm 2025;
- Đơn vị đổi ngành sản phẩm IO;

Cách chọn mẫu thay thế: Chọn các đơn vị có hoạt động cùng ngành sản phẩm IO.

III. Quy trình, phương pháp, cách thức chọn mẫu khối cá thể phi nông lâm nghiệp và thủy sản

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

1.1. Yêu cầu chọn mẫu

Cơ sở chọn mẫu đảm bảo tiêu chí đại diện cho 148 ngành sản phẩm IO (không bao gồm các ngành sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản) theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cả nước, loại khỏi danh sách chọn mẫu các cơ sở có doanh thu nhỏ hơn 100 triệu đồng/năm.

1.2. Phân bổ số lượng mẫu điều tra

Tổng số lượng cơ sở mẫu điều tra chiếm 0,28 phần trăm mẫu tổng thể (14.760 cơ sở). Mẫu điều tra của từng tỉnh, thành phố được phân bổ tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô tổng số lượng cơ sở.

Bước 1: Xác định cỡ mẫu cho từng tỉnh

$$m_i = N \times \frac{\sqrt{M_i}}{\sum_1^{34} \sqrt{M_i}}$$

Trong đó:

- m_i : Số lượng mẫu của tỉnh/thành phố i.
- M_i : Tổng số cơ sở của tỉnh/thành phố i.
- N : Tổng số lượng cơ sở mẫu điều tra.

Bước 2: Xác định cỡ mẫu cho từng ngành

$$m_{ij} = N_i \times \frac{\sqrt{M_{ij}}}{\sum_1^{148} \sqrt{M_{ij}}}$$

Trong đó:

- m_{ij} : Số lượng mẫu theo ngành j của tỉnh/thành phố i .
- M_{ij} : Tổng số cơ sở theo ngành j của tỉnh/thành phố i .
- N_i : Tổng số lượng cơ sở mẫu của tỉnh/thành phố i .

2. Chọn đơn vị mẫu điều tra

2.1. Cách thức chọn mẫu

Bước 1: Xác định ngành sản phẩm IO của cơ sở.

Đối với cơ sở đơn ngành: xác định ngành sản phẩm IO thông qua bảng mã liên kết ngành cấp 5 và ngành sản phẩm IO.

Đối với cơ sở đa ngành: xác định ngành sản phẩm IO dựa trên giá trị sản xuất lớn nhất của cơ sở đó.

Bước 2: Chọn mẫu.

Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống theo tiêu chí giá trị sản xuất.

2.2. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong các trường hợp:

- Cơ sở ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh thu, chi phí trong năm 2025;
- Cơ sở đổi ngành sản phẩm IO;

Cách chọn mẫu thay thế: chọn các cơ sở có hoạt động cùng ngành sản phẩm IO.

IV. Quy trình chọn mẫu hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

1.1. Yêu cầu của chọn mẫu

Hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chọn mẫu đại diện đến cấp tỉnh, thành phố theo 33 ngành sản phẩm IO.

Sử dụng dàn mẫu của Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 và bảng kê của điều tra thường xuyên.

1.2. Phương pháp chọn mẫu

Quy mô mẫu

Quy mô mẫu của các hộ có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 7.988 hộ.

Phân bổ mẫu

Mỗi ngành ở tỉnh có khoảng xấp xỉ 7 hộ mẫu.

Căn cứ trên dàn mẫu của từng ngành IO, sắp xếp các hộ theo từng tỉnh và thực hiện chọn mẫu theo các bước sau:

Bước 1: Tính toán chỉ số trung bình và trung vị theo các chỉ tiêu đại diện cho hoạt động sản xuất của từng sản phẩm IO trong phạm vi tỉnh và tính riêng biệt theo 33 ngành sản phẩm, sau đó xác định điểm cắt để loại bỏ các hộ có tiêu chí đại diện thấp dưới điểm cắt.

Tiêu chí đại diện theo từng ngành IO như sau:

STT	Ngành sản phẩm	Tiêu chí đại diện
1	Thóc khô	Diện tích
2	Ngô và sản phẩm cây lương thực có hạt khác	Diện tích
3	Sản phẩm cây lấy củ có chất bột	Diện tích
4	Sản phẩm cây có hạt chứa dầu	Diện tích
5	Mía cây tươi	Diện tích
6	Rau, dưa, đậu các loại	Diện tích
7	Sản phẩm hoa và hạt giống hoa hàng năm	Diện tích
8	Sản phẩm cây hàng năm khác còn lại	Diện tích
9	Sản phẩm cây ăn quả	Diện tích trồng tập trung
10	Hạt điều khô	Diện tích trồng tập trung
11	Hạt hồ tiêu	Diện tích trồng tập trung
12	Mủ cao su khô	Diện tích trồng tập trung
13	Cà phê nhân	Diện tích trồng tập trung
14	Chè búp tươi, chè lá tươi	Diện tích trồng tập trung
15	Sản phẩm cây lâu năm khác còn lại	Diện tích trồng tập trung
16	Sản phẩm chăn nuôi trâu, bò	Số đầu con
17	Sản phẩm chăn nuôi lợn	Số đầu con
18	Sản phẩm chăn nuôi gia cầm	Số đầu con
19	Sản phẩm chăn nuôi khác còn lại	Số đầu con
20	Dịch vụ nông nghiệp	Doanh thu
21	Sản phẩm săn bắt, đánh bắt và dịch vụ có liên quan	Diện tích cho sản phẩm
22	Các sản phẩm nông nghiệp khác chưa được phân vào đầu	Doanh thu
23	Sản phẩm trồng rừng và chăm sóc rừng và cây giống lâm nghiệp	Diện tích và doanh thu
24	Gỗ khai thác	Diện tích thu hoạch
25	Lâm sản khai thác thu nhập khác trừ gỗ	Chọn ngẫu nhiên không có tiêu chí lọc
26	Dịch vụ lâm nghiệp	Chọn ngẫu nhiên không có tiêu chí lọc

27	Sản phẩm thủy sản khai thác biển	Chiều dài tàu
28	Sản phẩm thủy sản khai thác nội địa	Chọn ngẫu nhiên không có tiêu chí lọc
29	Sản phẩm thủy sản nuôi trồng biển	Diện tích
30	Cá tra	Diện tích
31	Tôm sú, tôm thẻ chân trắng	Diện tích
32	Sản phẩm thủy sản nuôi trồng nội địa khác	Diện tích
33	Giống thủy sản nội địa	Doanh thu

Bước 2: Sắp xếp các hộ còn lại theo 33 ngành sản phẩm IO, theo tiêu chí đại diện từ cao xuống thấp và chọn ngẫu nhiên cho đến khi đủ số lượng mẫu của mỗi tỉnh.

1.3. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong các trường hợp:

- Hộ không có hoạt động sản xuất sản phẩm IO (sản phẩm IO gắn với mẫu của hộ) năm 2025.

Cách chọn mẫu thay thế: chọn các hộ có hoạt động trong cùng ngành sản phẩm IO.

V. Quy trình chọn mẫu đơn vị không vì lợi

1. Xác định số lượng mẫu điều tra

Đơn vị không vì lợi sử dụng dàn mẫu của Tổng điều tra Kinh tế năm 2026 để chọn mẫu.

2. Chọn đơn vị mẫu điều tra

2.1 Quy mô mẫu

Mẫu đơn vị không vì lợi gồm 990 cơ sở tôn giáo tín ngưỡng.

2.2 Phân bổ mẫu điều tra

Mẫu điều tra được phân bổ theo tỷ lệ thuận với căn bậc hai của số lượng các đơn vị không vì lợi đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố theo công thức:

$$m_i = N \times \frac{\sqrt{M_i}}{\sum_1^{34} \sqrt{M_i}}$$

Trong đó:

- m_i : Số lượng mẫu của tỉnh/thành phố i .
- M_i : Tổng số đơn vị không vì lợi của tỉnh/thành phố i .
- N : Tổng số đơn vị không vì lợi của toàn quốc.

2.3 Cách thức chọn mẫu

Chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều.

Bước 1: Loại bỏ ra khỏi dàn chọn mẫu những cơ sở tôn giáo tín ngưỡng không có đầy đủ thông tin, địa chỉ rõ ràng.

Bước 2: Phân chia danh sách đơn vị vô vị lợi thành 34 tầng chọn mẫu tương ứng với 34 tỉnh/thành phố.

Bước 3: Chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống riêng biệt theo từng tầng.

2.4 Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong trường hợp đơn vị không vị lợi không còn hoạt động hoặc không còn tồn tại ở địa bàn điều tra; sử dụng dàn mẫu còn lại để thay thế.

VI. Quy trình chọn mẫu hộ dân cư

1. Dàn chọn mẫu:

- Sử dụng dàn mẫu Tổng điều tra dân số năm 2019 để thực hiện chọn mẫu.
- Sử dụng khoảng 70% số lượng hộ điều tra mẫu chi tiêu của Khảo sát mức sống 2026 (6.600 hộ).

2. Phân bổ mẫu:

Số lượng hộ chọn mẫu tiêu dùng cuối cùng được phân bổ theo tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô dân số của từng tỉnh/thành phố.

3. Thay thế mẫu

Thay thế mẫu trong trường hợp hộ không còn tại địa bàn điều tra, sử dụng dàn mẫu còn lại trong danh sách mẫu điều tra chi tiêu để thay thế.

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC TỔNG CÔNG TY VÀ DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG
HẠCH TOÁN TOÀN NGÀNH TRONG ĐIỀU TRA IO 2026

1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
2. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
3. Tổng công ty Dịch vụ viễn thông (VNPT Vinaphone);
4. Tổng công ty Viễn thông Mobiphone;
5. Tổng công ty Điện lực miền Bắc
6. Tổng công ty Điện lực miền Nam
7. Tổng công ty Điện lực miền Trung
8. Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội;
9. Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh
10. Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia;
11. Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
12. Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
13. Tổng công ty cổ phần Bảo Minh;
14. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam;
15. Tổng công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam;
16. Công ty Bảo hiểm nhân thọ Manulife;
17. Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex;
18. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
19. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam;
20. Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam);
20. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
21. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
22. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
23. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;
24. Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam;
25. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín;
26. Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam;
27. Ngân hàng TMCP Á Châu;
28. Ngân hàng TNHH MTV số Vikki;

29. Ngân hàng TMCP Sài Gòn;
30. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
31. Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố HCM;
32. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;
33. Ngân hàng TMCP Quân đội;
34. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số;
35. Ngân hàng TMCP Bắc Á;
36. Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam;
37. Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam;
38. Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
39. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam;
40. Ngân hàng TMCP Phương Đông;
41. Ngân hàng TMCP Quốc Tế;
42. Ngân hàng TMCP Tiên Phong;
43. Ngân hàng Chính sách xã hội;
44. Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
45. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam;
46. Ngân hàng TNHH Indovina (Indovina Bank Limited - IVB)
47. Ngân hàng liên doanh Việt - Nga
48. Ngân hàng ANZ Việt Nam
49. Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam
50. Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Việt Nam
51. Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên SHINHAN Việt Nam
52. Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên HONG LEONG Việt Nam
53. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam
54. Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam
55. Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông;
56. Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
57. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội;
58. Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
59. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
60. Công ty cổ phần Hàng không Vietjet;

61. Tổng công ty Viễn thông Viettel;
62. Tổng công ty dịch vụ số Viettel;
63. Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel;
64. Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí;
65. Tổng công ty khí Việt Nam;
66. Tổng công ty dầu Việt Nam.